

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ QUẾ SƠN



# BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

*Của dự án: “XUỞNG SẢN XUẤT, VĂN PHÒNG GIAO DỊCH VÀ CHO THUÊ  
NHÀ XUỞNG”*

*Địa điểm thực hiện dự án: Cụm công nghiệp Non Sáo, xã Tân Dĩnh,  
huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.*

**CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*



**GIÁM ĐỐC**  
*Ngô Gia Lương*

**Bắc Giang, tháng 03 năm 2022**

MỤC LỤC

<b>Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN.....</b>	<b>1</b>
<b>1. Tên chủ dự án đầu tư.....</b>	<b>1</b>
<b>2. Tên dự án đầu tư.....</b>	<b>1</b>
<b>3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư.....</b>	<b>1</b>
3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	1
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	1
3.2.1. Quy trình sản xuất, gia công, rèn, dập, cán kéo, đúc thép các sản phẩm cơ khí.....	1
3.2.2. Quy trình cho thuê nhà xưởng.....	4
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	7
<b>4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước, máy móc thiết bị của dự án đầu tư.....</b>	<b>7</b>
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất phục vụ cho sản xuất.....	7
4.2. Nguồn cấp điện, cấp nước.....	7
<b>Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>10</b>
<b>Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....</b>	<b>11</b>
<b>1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....</b>	<b>11</b>
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	11
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	11
1.2.1. Nước thải sản xuất và hệ thống xử lý khí thải:.....	11
1.2.2. Nước thải sinh hoạt.....	11
<b>2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....</b>	<b>15</b>
<b>3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTR thông thường.....</b>	<b>15</b>
3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:.....	16
3.2. Đối với chất thải rắn sản xuất thông thường:.....	16
<b>4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....</b>	<b>16</b>
<b>5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....</b>	<b>17</b>
<b>6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....</b>	<b>17</b>
6.2. Đối với khí thải: Dự án chưa lắp đặt hệ thống xử lý khí thải.....	18
<b>7. Các nội dung thay đổi của dự án đầu tư so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM nhưng chưa đến mức phải lập lại ĐTM: Không thay đổi.....</b>	<b>18</b>
<b>Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>19</b>

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....	19
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: không có .....	20
<b>Chương V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN</b> .....	<b>21</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án .....	21
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	21
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý .....	21
1.2.1. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu, kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu .....	21
1.2.2. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện.....	22
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật .....	23
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	23
2.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm: 20.000.000 VNĐ.....	24
<b>Chương VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ</b> .....	<b>25</b>

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Cơ khí Quế Sơn và đơn vị thuê xưởng.....	6
Bảng 1.2. Nguyên vật liệu sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất của dự án .....	7
Bảng 3.1. Quy mô các hạng mục công trình xử lý nước thải.....	12
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải .....	19
Bảng 5.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	21

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình nấu, đúc thép .....	2
Hình 1.2. Quy trình gia công các sản phẩm qua rèn .....	3
Hình 1.3. Quy trình gia công các sản phẩm qua cán.....	4
Hình 1.4. Hoạt động cho thuê nhà xưởng .....	5
Hình 1.5. Sơ đồ thu gom thoát nước mưa của dự án.....	11
Hình 3.1. Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước thải sinh hoạt của công ty.....	12
Hình 3.2. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 42m <sup>3</sup> /ngày.đêm.....	13

## Chương I

### THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

#### 1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Cơ khí Quế Sơn

- Địa chỉ văn phòng: CCN Non Sáo, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Ngô Gia Lượng
- Điện thoại: (0204) 2213678
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400208775 đăng ký lần đầu ngày 11/12/1993, thay đổi lần thứ 9 ngày 17/07/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 8083343574 cấp lần đầu ngày 29/01/2003, thay đổi lần thứ nhất ngày 12/12/2018.

#### 2. Tên dự án đầu tư: Xưởng sản xuất, văn phòng giao dịch và cho thuê nhà xưởng.

- Địa điểm thực hiện dự án: CCN Non Sáo, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) số 1103/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang.

#### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

##### 3.1. Công suất của dự án đầu tư:

- + Sản xuất, gia công, rèn, dập, cán kéo, đúc thép các sản phẩm cơ khí: 1.500 tấn sản phẩm/năm;
- + Cho thuê nhà xưởng dư thừa: 3.631,5m<sup>2</sup>/năm.

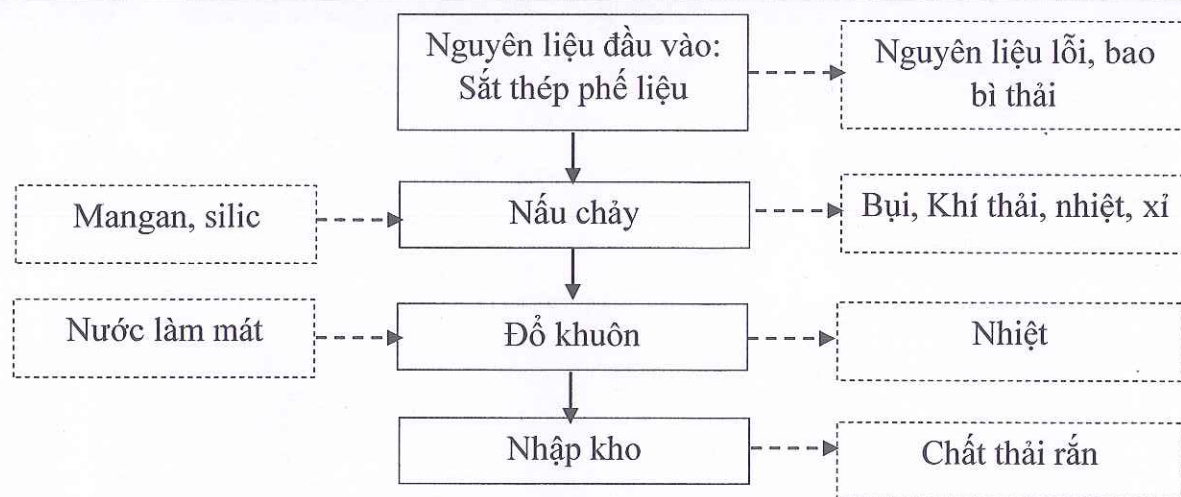
Công ty dự kiến cho các đơn vị hoạt động trong ngành nghề như: cơ khí, điện tử, may mặc...là các ngành nghề phù hợp với quy hoạch của CCN Non Sáo. Ưu tiên các đơn vị không phát sinh nước thải sản xuất và khí thải. Số lượng công nhân tối đa của đơn vị thuê xưởng khoảng 490 người.

##### 3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

###### 3.2.1. Quy trình sản xuất, gia công, rèn, dập, cán kéo, đúc thép các sản phẩm cơ khí

Thời gian tới chủ dự án chỉ lắp đặt máy móc mới thay thế máy móc cũ do sử dụng lâu năm không còn đảm bảo. Công nghệ sản xuất của dự án không thay đổi so với đề án đã được phê duyệt.

###### 3.2.1.1. Quy trình nấu, đúc thép



Hình 1.1. Quy trình nấu, đúc thép

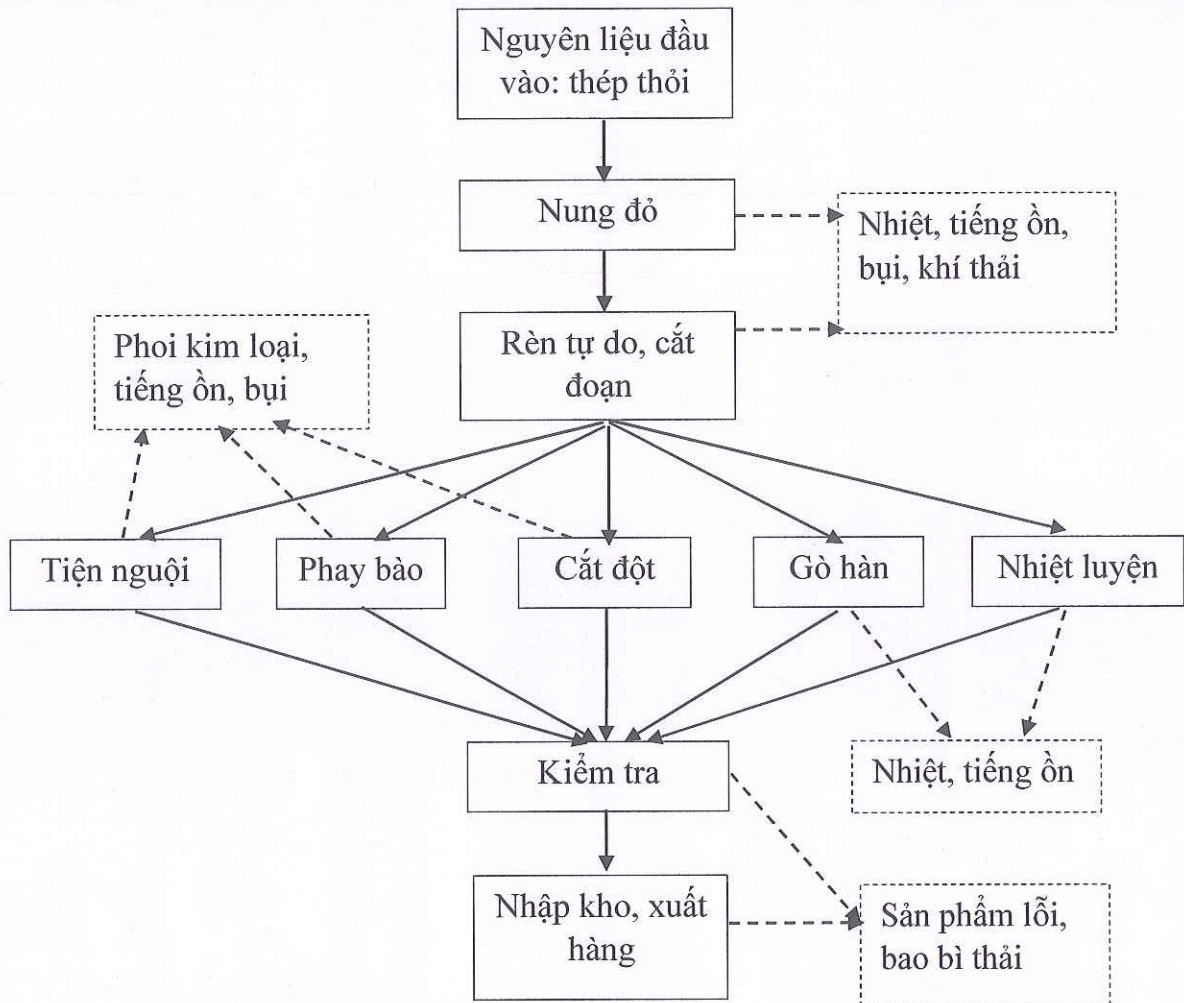
**\* Thuyết minh quy trình:**

Nguyên liệu đầu vào là sắt thép phế liệu được sẽ được kiểm tra đảm bảo không lẫn tạp chất sau đó được đưa vào lò nung trung tần 1,5 tấn (lò nấu bằng điện) để nấu chảy ở nhiệt độ 1200 -1300°C. Bổ sung phụ gia là mangan, silic vào lò, mangan và silic là 02 thành phần làm tăng độ cứng, tăng cơ tính của thép. Mỗi mẻ nấu được 1,5 tấn. Quá trình nấu chảy tạo ra xỉ, xỉ được vớt ra được tuần hoàn vào lò nung để tận dụng triệt để lượng sắt, thép còn lẫn trong xỉ. Sau mỗi ngày, lượng xỉ thải không thể tuần hoàn được hớt ra sau đó thu gom và xử lý như chất thải nguy hại.

Nguyên liệu được nung trong lò tạo thành 01 hỗn hợp nóng chảy sau đó đổ ra khuôn để tạo thành thép thỏi 40kg/thỏi. Bên dưới hệ thống khuôn đúc có thiết kế tích hợp hệ thống làm mát bằng nước. Tại đây nhôm thỏi được làm mát tại khuôn, nước làm mát sau đó sẽ được đưa về tháp giải nhiệt để tuần hoàn sử dụng cho quy trình tiếp theo.

Các thỏi thép được đưa về kho chứa làm nguyên liệu cho các quy trình gia công cơ khí tiếp theo.

**3.2.1.2. Quy trình gia công các sản phẩm qua rèn**



Hình 1.2. Quy trình gia công các sản phẩm qua rèn

**\* Thuyết minh quy trình:**

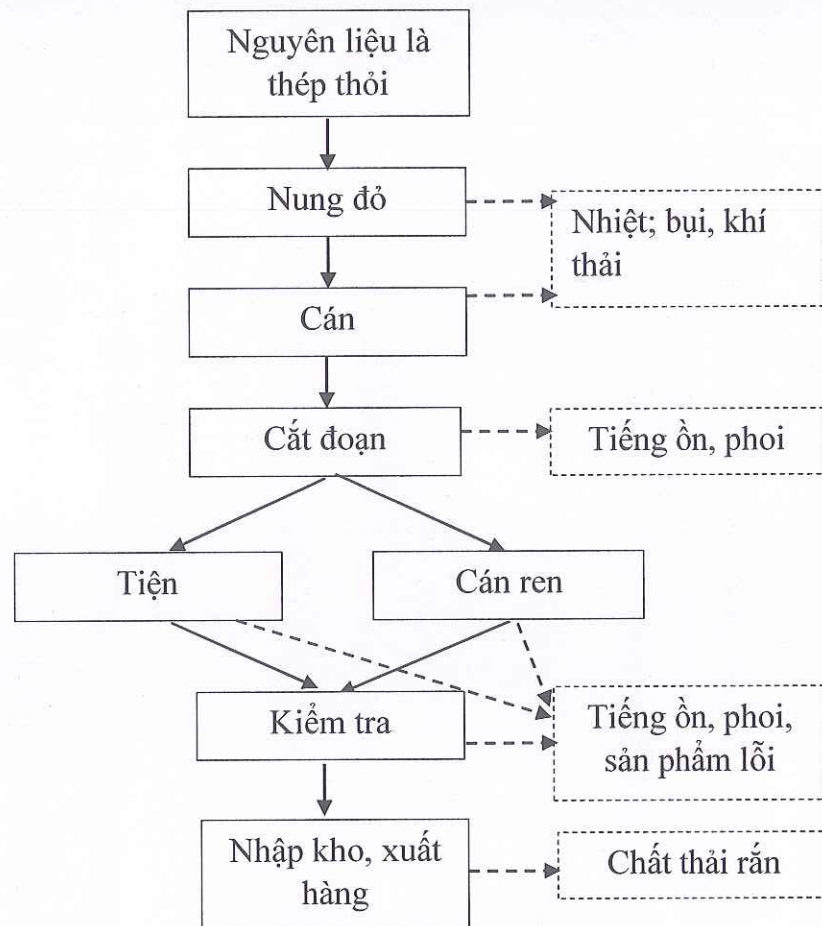
**1. Rèn:** Từ các thỏi thép được sản xuất từ lò nung trung tần sẽ được đưa vào nung đỏ tại lò nung phản xạ đốt than 600-700°C để nung đỏ sau đó đập rèn tự do và cắt đoạn.

**2. Gia công sau rèn:** Tùy vào từng loại sản phẩm mà có thể tiến hành một trong các quy trình tiếp theo như sau:

- Tiện nguội: Sử dụng máy tiện để đưa về kích thước yêu cầu.
- Phay bào: Sử dụng máy móc để tạo rãnh then cho sản phẩm.
- Cắt đột: Sử dụng máy móc để cắt đột tạo độ bằng phẳng cho sản phẩm và đột lỗ các chi tiết trên sản phẩm.
- Gò, hàn: Để liên kết các chi tiết, khớp nối với nhau theo mẫu mã sản phẩm.
- Nhiệt luyện: là quá trình tạo độ cứng, chống ăn mòn cho sản phẩm.

Sản phẩm hoàn thiện sau quá trình gia công được nhập kho và đưa đi tiêu thụ.

**3.2.1.3. Quy trình gia công các sản phẩm qua cán**



Hình 1.3. Quy trình gia công các sản phẩm qua cán

\* Thuyết minh quy trình:

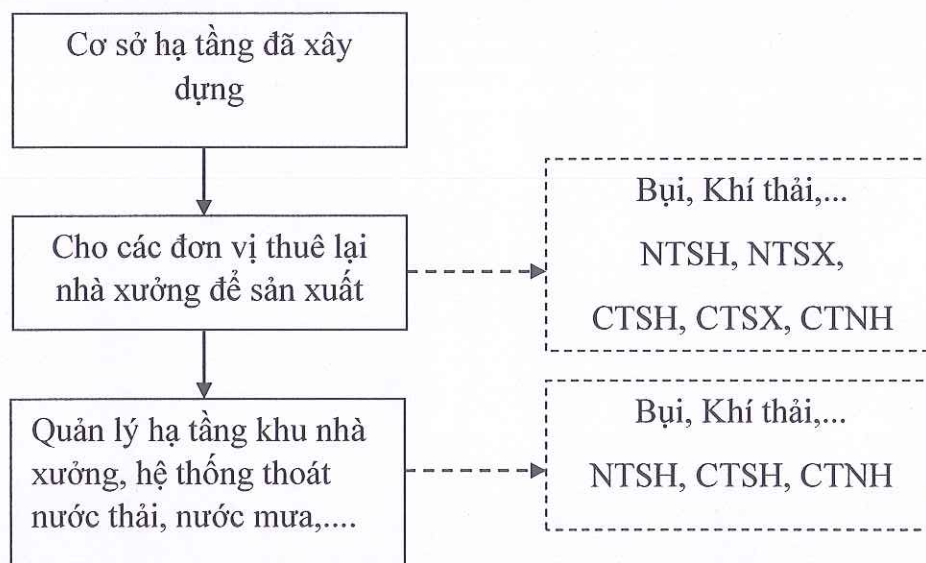
1. **Cán:** Thép thỏi được sản xuất từ lò nung trung tần của công ty được đưa vào nung đỏ ở nhiệt độ 600-700 độ tại lò nung phản xạ đốt than để làm mềm sau đó được cán qua khuôn tròn hoặc dẹt tùy thuộc vào yêu cầu của từng sản phẩm.

2. **Cắt đoạn, tiện, cán ren:** Sau khi cán thành hình, thép được đưa vào máy để cắt đoạn, tiện và cán ren theo kích thước yêu cầu đối với từng loại sản phẩm.

Sản phẩm được kiểm tra trước khi nhập kho và xuất hàng.

3.2.2. Quy trình cho thuê nhà xưởng





Hình 1.4. Hoạt động cho thuê nhà xưởng

**\* Thuyết minh quy trình:**

Toàn bộ hạ tầng bao gồm: nhà xưởng, hệ thống giao thông, điện nước, thoát nước mưa, thoát nước thải,... sẽ được chủ đầu tư hoàn thiện trước khi cho các doanh nghiệp có nhu cầu đến thuê để sản xuất, kinh doanh.

Các doanh nghiệp đến thuê nhà xưởng, trong quá trình sản xuất sẽ phát sinh các loại chất thải như: Khí thải, nước thải, chất thải rắn.... Tùy vào loại hình sản xuất kinh doanh, quy mô, công suất của các doanh nghiệp mà phát sinh các loại chất thải khác nhau.

Công ty dự kiến cho các đơn vị hoạt động trong ngành nghề như: cơ khí, điện tử, may mặc....là các ngành nghề phù hợp với quy hoạch của CCN Non Sáo. Ưu tiên các đơn vị không phát sinh nước thải sản xuất và khí thải. Số lượng công nhận tối đa khoảng 490 người.

Hiện tại chủ dự án đã cho 01 đơn vị là Công ty TNHH Quân Trạch thuê lại nhà xưởng số 02 với diện tích 3.631,5m<sup>2</sup>. Công ty TNHH Quân Trạch hiện tại hoạt động với mục tiêu sản xuất dây chun trần và các sản phẩm từ nhựa với 105 công nhân. Công ty TNHH Quân Trạch đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 61/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 01 năm 2022.

**\* Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị thuê nhà xưởng:**

- Về hạ tầng kỹ thuật: Công ty TNHH Cơ khí Quế Sơn chịu trách nhiệm quản lý về hạ tầng kỹ thuật của dự án (hệ thống nhà xưởng, hệ thống thoát nước mưa, nước thải, trạm xử lý nước thải tập trung, hệ thống cây xanh, giao thông...).

- Về công tác bảo vệ môi trường:

**Bảng 1.1. Trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Cơ khí Quế Sơn và đơn vị thuê xưởng**

TT	Hạng mục	Công ty TNHH Cơ khí Quế Sơn	Đơn vị thuê xưởng
1	Nước thải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nước thải sinh hoạt: Xây dựng, quản lý vận hành HTXL nước thải sinh hoạt và thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt của các đơn vị thuê xưởng để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép.</li> <li>- Nước thải sản xuất: Chịu trách nhiệm xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của đơn vị mình không bao gồm nước thải sản xuất của các đơn vị thuê xưởng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nước thải sinh hoạt: Nộp phí xử lý cho Chủ nhà xưởng.</li> <li>- Nước thải sản xuất: Tự chịu trách nhiệm xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của đơn vị mình.</li> </ul>
2	Khí thải	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chịu trách nhiệm với các biện pháp công trình xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Công ty TNHH cơ khí Quế Sơn</li> <li>Giám sát việc vận hành, xử lý của đơn vị thuê xưởng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng, vận hành, quản lý các hệ thống thuộc khu vực của đơn vị mình.</li> </ul>
3	CTR và CTNH	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chịu trách nhiệm với phần chất thải phát sinh từ hoạt động của đơn vị mình.</li> <li>- Giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển của các đơn vị thuê xưởng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chịu trách nhiệm với phần chất thải phát sinh từ hoạt động của đơn vị mình.</li> <li>- Tự bố trí kho chứa chất thải trên phần diện tích được thuê lại.</li> <li>- Thu gom, vận chuyển Hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo đúng quy định.</li> </ul>
4	Quan trắc môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan trắc HTXL nước thải sinh hoạt tập trung;</li> <li>- Quan trắc khí thải, không khí môi trường làm việc phát sinh từ hoạt động của Công ty TNHH Cơ khí Quế Sơn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quan trắc nước thải sản xuất (nếu có), khí thải (nếu có) và không khí môi trường làm việc từ hoạt động của đơn vị mình.</li> </ul>

### (3) Quy trình sản xuất của đơn vị thuê xưởng

Công ty dự kiến cho các đơn vị hoạt động trong ngành nghề như: cơ khí, điện tử, may mặc.... là các ngành nghề phù hợp với quy hoạch của CCN Non Sáo. Ưu tiên các đơn vị không phát sinh nước thải sản xuất và khí thải. Số lượng công nhân tối đa của đơn vị thuê xưởng là 490 người.

Quy trình sản xuất của các đơn vị thuê xưởng được trình bày trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường của các đơn vị tùy thuộc vào mục tiêu sản xuất của từng đơn vị.

Đơn vị thuê xưởng hiện tại là Công ty TNHH Quân Trạch hoạt động với mục tiêu sản xuất dây chun trần (dây buộc tóc) và các sản phẩm từ nhựa. Số lượng CBNV hiện tại khoảng 105 người. (Chi tiết sẽ được trình bày trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hay kế hoạch bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Quân Trạch).

### 3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

+ Các sản phẩm cơ khí sau sản xuất, gia công, rèn, dập, cán kéo, đúc thép: 1.500 tấn sản phẩm/năm;

+ Cho thuê nhà xưởng dư thừa: 3.631,5m<sup>2</sup>/năm.

## 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước, máy móc thiết bị của dự án đầu tư.

### 4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất phục vụ cho sản xuất

Bảng 1.2. Nguyên vật liệu sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất của dự án

TT	Nguyên liệu chính	Đơn vị	Khối lượng	Nguồn gốc
I	Nguyên liệu chính			
1	Sắt thép phế liệu	Tấn/năm	1575	Việt Nam
2	Mangan Silic	Tấn/năm	2,2	Việt Nam
II	Nhiên liệu, phụ liệu			
1	Điện	kW/mẻ	1.250	Việt Nam
2	Than	Tấn/năm	500	Việt Nam
3	Que hàn	Kg/năm	1.000	Việt Nam

[Nguồn: Chủ dự án].

Công ty xin cam kết không sử dụng các nguyên vật liệu thuộc danh mục cấm của Việt Nam.

### 4.2. Nguồn cấp điện, cấp nước

#### a. Nguồn cấp điện:

Điện cung cấp cho dự án hoạt động được lấy từ lưới điện quốc gia gần khu vực thực hiện dự án, cấp điện để chạy máy móc, thiết bị sản xuất, chiếu sáng,... phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người lao động. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng thực tế tính toán được:

+ Nhu cầu sử dụng điện của Công ty TNHH Cơ khí Quế Sơn khoảng: 68,1 KW/ngày.

+ Nhu cầu sử dụng điện của đơn vị thuê xưởng khoảng: 4.221Kwh/ngày

**b. Nguồn cấp nước:**

- Nước được sử dụng chủ yếu để phục vụ nhu cầu sinh hoạt của CBCNV làm việc tại dự án và phục vụ sản xuất. Ngoài ra còn phục vụ tưới cây, rửa đường và dự trữ cho PCCC.

- Nguồn cấp nước: nước sạch do Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng nước DNP Bắc Giang cung cấp.

\* *Nước cấp cho sinh hoạt:*

**- Giai đoạn hiện tại:**

+ Hiện tại Công ty TNHH Cơ khí Quế Sơn có khoảng 10 cán bộ công nhân làm việc tại dự án. Căn cứ hóa đơn tiền nước thực tế 03 tháng gần nhất, tính toán được lượng nước cấp phục vụ cho hoạt động của Công ty TNHH Cơ khí Quế Sơn khoảng  $16,5\text{m}^3/\text{tháng}$  tương đương  $0,63\text{m}^3/\text{ngày}$  (hóa đơn nước được đính kèm phụ lục báo cáo).

+ Công ty TNHH Quân Trạch (đơn vị thuê xưởng hiện tại) có khoảng 105 công nhân, căn hóa đơn tiền nước 03 tháng gần nhất, tính toán được lượng nước phục vụ cho hoạt động của Công ty TNHH Quân Trạch khoảng  $14,46\text{m}^3/\text{ngày}$ .

Hiện tại, cả 02 đơn vị chỉ sử dụng nước cho sinh hoạt không sử dụng nước phục vụ cho sản xuất.

**- Giai đoạn hoạt động tổng thể:**

+) *Nước cấp cho sinh hoạt:*

Giai đoạn hoạt động tổng thể, tổng số cán bộ công nhân của Công ty TNHH Cơ khí Quế Sơn dự kiến khoảng 10 người, của đơn vị thuê xưởng khoảng 490 người. Tổng số cán bộ công nhân của 02 đơn vị khoảng 500 người.

Theo TCXDVN 33:2006 - Cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế, nhu cầu sử dụng nước là  $80\text{lít}/\text{người}/\text{ngày}$ . Lượng nước cấp cho sinh hoạt ước tính khoảng:

$$500 \times 80 \times 10^{-3} = 40\text{m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

+) *Nước cấp cho sản xuất:*

- *Đối với chủ dự án:* Nước sử dụng để làm mát máy móc thiết bị và làm nguội sản phẩm. Lượng nước này được giải nhiệt tuần hoàn sử dụng định kỳ bổ sung một lượng nước khoảng  $12\text{m}^3/\text{ngày}$  để bù vào lượng nước thất thoát do bay hơi.

- *Đối với đơn vị thuê xưởng:* Đơn vị thuê xưởng sử dụng nước tùy theo nhu cầu cũng như mục tiêu sản xuất cụ thể được trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường của từng đơn vị.

+) *Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải:* Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải được tuần hoàn sử dụng, hằng ngày bổ sung một lượng khoảng 0,5m<sup>3</sup>/ngày để bù vào lượng nước thất thoát.

## **Chương II**

### **SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

Dự án: “Xưởng sản xuất, văn phòng giao dịch và cho thuê nhà xưởng” được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang chấp thuận tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8083343574 chứng nhận lần đầu ngày 29/01/2003 thay đổi lần thứ nhất ngày 12 tháng 12 năm 2018, dự án được thực hiện tại CCN Non Sáo, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Dự án đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021, trong đó đã thực hiện đánh giá đối với sự phù hợp với quy hoạch và khả năng chịu tải của môi trường tại khu vực thực hiện dự án do đó báo cáo không thực hiện đánh giá nội dung này.

### Chương III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thu gom, thoát nước bề mặt:

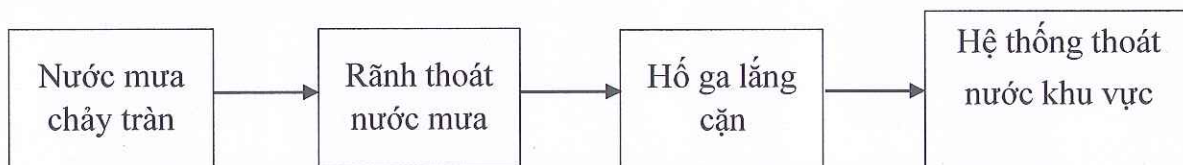
Toàn bộ nước mưa của nhà xưởng được thu gom bằng Rãnh thoát nước xây bằng gạch đặc 300 x 300mm, trên đây tấm đan bằng bê tông cốt thép, đổ vào hệ thống cống chính 400 x 600mm, độ dốc  $I=0,35\%$  với tổng chiều dài khoảng 300m với 24 hố ga mỗi hố ga có kích thước (1x1x1)m, cách nhau 15m.

- Số lượng, vị trí điểm thoát nước mưa và quy trình vận hành từng điểm thoát:

+ Số lượng, vị trí điểm thoát nước mưa: 02 vị trí tại điểm đầu nối với hệ thống thoát nước của khu vực.

+ Quy trình vận hành: Tự chảy

- Sơ đồ minh họa:



Hình 1.5. Sơ đồ thu gom thoát nước mưa của dự án

(Bản vẽ sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của dự án được đính kèm phụ lục báo cáo)

#### 1.2. Thu gom, thoát nước thải

##### 1.2.1. Nước thải sản xuất và hệ thống xử lý khí thải:

Công ty TNHH Cơ Khí Quế Sơn hiện tại chỉ hoạt động với mục tiêu cho thuê nhà xưởng, chưa có hoạt động sản xuất do đó không phát sinh nước thải sản xuất và nước thải từ hệ thống xử lý khí thải.

##### 1.2.2. Nước thải sinh hoạt

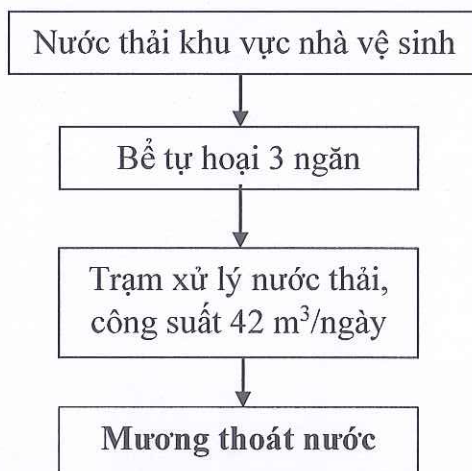
- Công trình thu gom nước thải: Nước thải nhà vệ sinh được thu gom về xử lý sơ bộ tại 04 bể tự hoại 3 ngăn, mỗi bể có thể tích 2m<sup>3</sup>. Sau đó toàn bộ nước thải sinh hoạt theo đường ống dẫn PVC110, PVC180 với tổng chiều dài khoảng 186m đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 42m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Công trình thoát nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý được dẫn bằng ống uPVC đường kính D400 dài khoảng 2 -3 m đầu với mương của khu vực.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Nước thải của dự án sau hệ thống xử lý được xả

thải ra mương thoát nước của CCN tại 01 điểm xả.

- Sơ đồ minh họa:



Hình 3.1. Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước thải sinh hoạt của công ty

### 1.3. Xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải công suất 42m<sup>3</sup>/ngày.đêm (Hệ thống do Công ty TNHH Công nghệ môi trường Wotech thiết kế, thi công xây dựng).

- Chức năng: Xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh của chủ dự án và đơn vị thuê xưởng.

- Quy mô, công suất:

+ Công suất hệ thống: 42/ngày đêm

+ Quy mô các hạng mục công trình của hệ thống

Bảng 3.1. Quy mô các hạng mục công trình xử lý nước thải

STT	Hạng mục	Thông số
I	<b>Các hạng mục xử lý</b>	
1	Bể tự hoại 3 ngăn	04 bể tổng thể tích 8m <sup>3</sup>
2	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt	Công suất 42 m <sup>3</sup> /ngày đêm.
3	Ống thoát nước thải	PVC110, PVC180
II	<b>Thông số của trạm xử lý nước thải tập trung</b>	
1	Bể điều hòa	Thể tích: 23,328m <sup>3</sup> , kích thước: 2,7x3,2x2,7m
2	Bể thiếu khí	Thể tích: 12m <sup>3</sup> , kích thước: 1,4x3,2x2,7m

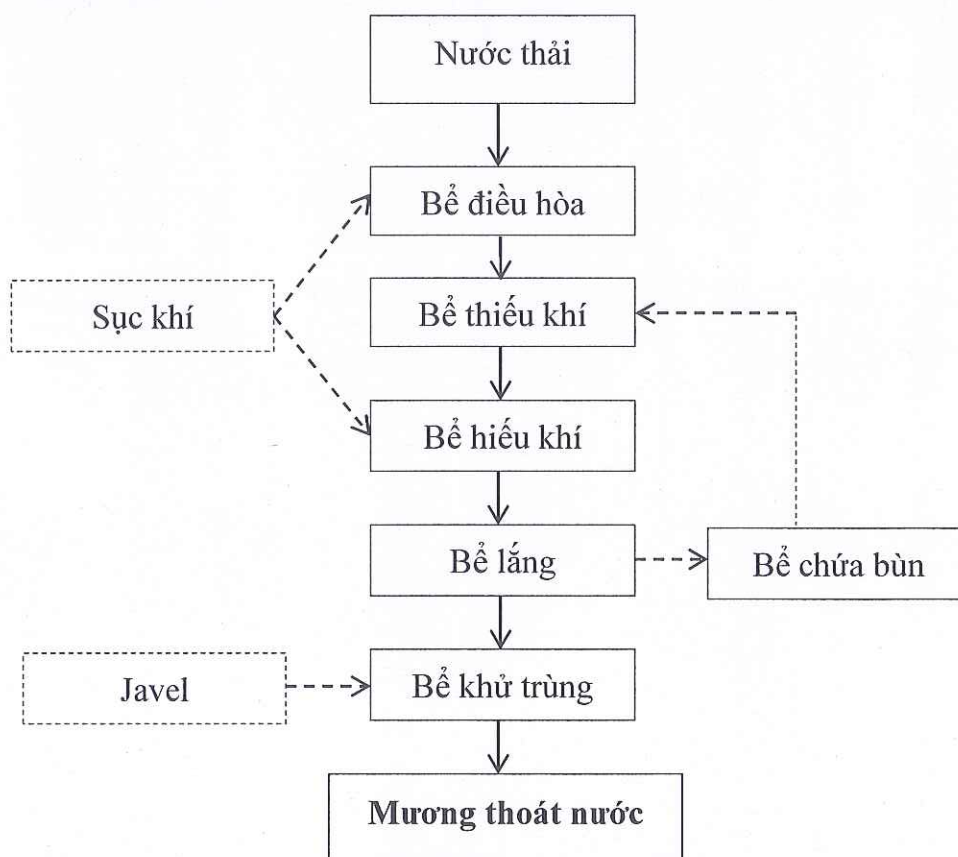


STT	Hạng mục	Thông số
I	Các hạng mục xử lý	
3	BỂ HIẾU KHÍ	Thể tích: 34,56 m <sup>3</sup> , kích thước: 4x3,2x2,7m
4	BỂ LẮNG	Thể tích: 9,234 m <sup>3</sup> , kích thước: 1,9x1,8x2,7m
5	BỂ CHỨA BÙN	Thể tích: 6,61 m <sup>3</sup> , kích thước 1,9x1,29x2,7m
6	BỂ KHỬ TRÙNG	Thể tích: 0,47 m <sup>3</sup> , kích thước 0,78x0,78x0,78m

[Nguồn: Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải].

- Công nghệ xử lý: Công nghệ sinh học AO

- Quy trình công nghệ xử lý:



**Hình 3.2. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 42m<sup>3</sup>/ngày.đêm**

\* Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý:

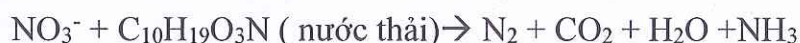
Nước thải sinh hoạt phát sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

**1. Bể điều hòa:** Có tác dụng điều hòa nồng độ chất thải và lưu lượng. Tại ngăn

này bố trí hệ thống phân phối khí để tránh hiện tượng lắng cặn chất thải xuống đáy bồn. Nước thải sẽ được bơm lên bể xử lý Thiêu khí bằng 2 bơm luân phiên.

**2. Bể thiêu khí:** Có chứa vi sinh thiêu khí có tác dụng xử lý các thành phần Nitơ, Photpho và một phần BOD, COD. Trong đó đặc biệt xử lý Nitơ, lượng Nitrat trong nước thải sẽ chuyển thành Nitơ ở dạng khí và được giải phóng ra môi trường khí.

Phản ứng dưới tác dụng của vi sinh vật:



Nước thải tại ngăn này được khuấy trộn bởi hệ thống bơm đảo trộn nhằm tránh bùn sinh học lắng xuống đáy bể và tăng độ đồng đều của nước thải. Nước thải tại ngăn này sẽ tự chảy sang ngăn xử lý Hiếu khí.

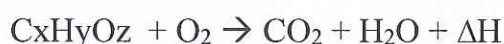
### 3. Bể hiếu khí:

Nước sau bể thiêu khí sẽ tự chảy sang bể hiếu khí. Tại bể hiếu khí diễn ra quá trình oxy hóa chất hữu cơ bởi vi sinh vật hiếu khí sử dụng oxy hòa tan trong nước để thực hiện.

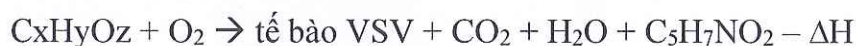
Quá trình này diễn ra mạnh mẽ nếu dùng biện pháp tác động vào như: sục khí, làm tăng lượng hoạt động của vi sinh vật bằng cách tăng bùn hoạt tính, điều chỉnh hàm lượng chất dinh dưỡng và ức chế các chất độc làm ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của vi sinh vật. Ngoài ra, nhiệt độ thích hợp cho quá trình xử lý là 20 – 40<sup>0</sup> C, tối ưu là 25 – 30<sup>0</sup>C.

Quá trình phân hủy chất hữu cơ trong nước thải gồm 3 giai đoạn sau:

– Giai đoạn 1: Oxy hóa chất hữu cơ.



– Giai đoạn 2: Tổng hợp xây dựng tế bào



– Giai đoạn 3: oxy hóa chất liệu tế bào.



Quá trình oxy hóa  $\text{NH}_4^+$  trong nước thải bằng vi sinh vật:



Nước thải sau bể hiếu khí được tuần hoàn một phần lại bể thiếu khí để thực hiện quá trình khử Nitrat về dạng bền vững hơn là  $N_2$ , phần còn lại sẽ đi vào bể lắng để tách bùn ra khỏi dòng nước. Nước trong sẽ đi sang bể khử trùng để xử lý vi khuẩn, vi sinh vật gây bệnh trước khi đi vào nguồn tiếp nhận.

**4. Bể lắng:** Nước thải từ bể hiếu khí chảy sang bể lắng kéo theo Bùn sinh học. Tại ngăn này tốc độ dòng nước chậm thêm với hóa chất keo tụ, các bông bùn lắng xuống đáy bể và được bơm bùn bơm sang bể thu bùn và hồi lưu về bể Thiếu khí. Nước trong sẽ chảy tràn qua ngăn Bể khử trùng.

**5. Bể khử trùng:** Tại ngăn này, vi sinh vật có hại sẽ bị tiêu diệt bởi hóa chất khử trùng NaOCl. Hệ thống phân phối khí dưới đáy bể có tác dụng đảo trộn nước để tiếp xúc với hóa chất, đảm bảo vi sinh vật có hại được xử lý.

#### **6. Bể chứa bùn:**

Bùn dư được bơm về bể thu bùn. Nước chảy tràn từ bể sẽ được gom về bể cân bằng để hòa trộn với dòng nước thải, còn bùn thì sẽ được lưu lại một thời gian. Tại đây sinh khối trong bùn sẽ tự phân hủy và giảm khối lượng. Định kỳ 6 tháng sẽ cần được hút bùn một lần.

Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt cột B, QCVN 40:2011/BTMT trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. (Trong thời gian tới khi trạm xử lý nước thải của CCN Non Sáo được xây dựng và đi vào vận hành chủ dự án tiến hành đấu nối nước thải sau xử lý với hệ thống thu gom nước thải của CCN để tiếp tục xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của CCN đảm bảo xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra ngoài môi trường)

- *Hóa chất sử dụng:* Sử dụng hóa chất Javel để khử trùng định mức khoảng  $8g/m^3$ , hệ thống xử lý nước thải công ty có công suất  $42m^3/ngày$  vậy lượng hóa chất khử trùng sử dụng ước tính khoảng  $10,08kg/tháng$ .

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 40:2011/BTNMT, cột B

## **2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.**

Trong báo cáo ĐTM có đề xuất xây dựng 02 hệ thống xử lý khí thải cho quá trình sản xuất. Tuy nhiên, hiện tại dự án chỉ thực hiện mục tiêu cho thuê nhà xưởng, chưa có hoạt động sản xuất do đó không có hệ thống xử lý khí thải.

*Đơn vị thuê xưởng tự chịu trách nhiệm với nguồn phát sinh bụi, khí thải của đơn vị mình.*

## **3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTR thông thường**

Công ty chỉ bố trí các công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường, không có công

trình xử lý trong khuôn viên dự án.

Chất thải rắn phát sinh tại công ty được thu gom và xử lý đúng theo Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

### **3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:**

#### **\* Đối với chủ dự án:**

- Lưu giữ tại các thùng chứa chất thải:

+ Chức năng: Lưu giữ chất thải sinh hoạt phát sinh tại dự án trước khi chuyển giao cho đơn vị chức năng đến vận chuyển và xử lý.

+ Mô tả: Chủ dự án trang bị các thùng chứa chất thải 25 lít đặt tại khu vực nhà vệ sinh, khu vực nhà ăn và văn phòng để thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Chất thải sau đó được gom vào thùng chứa chất thải lớn có dung tích 120l đặt gần nhà bảo vệ. Các thùng chứa được làm bằng nhựa có nắp đậy.

- Biện pháp xử lý: Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt. Tần suất vận chuyển 01 lần/ngày vào cuối giờ chiều mỗi ngày.

#### **\* Đối với đơn vị thuê xưởng:**

Các đơn vị thuê xưởng tự chịu trách nhiệm với chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của đơn vị mình.

Các đơn vị thuê nhà xưởng thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy phép môi trường, đăng ký môi trường đã được phê duyệt/xác nhận.

### **3.2. Đối với chất thải rắn sản xuất thông thường:**

Hiện tại dự án chỉ thực hiện mục tiêu cho thuê nhà xưởng, chưa có hoạt động sản xuất do đó không phát sinh CTR sản xuất, chủ dự án chưa bố trí kho chứa CTR cho giai đoạn này.

#### **\* Đối với đơn vị thuê xưởng:**

Các đơn vị thuê xưởng tự chịu trách nhiệm với chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động của đơn vị mình.

Các đơn vị thuê nhà xưởng thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy phép môi trường, đăng ký môi trường đã được phê duyệt/xác nhận.

## **4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

Hiện tại dự án chỉ thực hiện mục tiêu cho thuê nhà xưởng, chưa có hoạt động sản

xuất do đó không phát sinh CTNH trong quá trình sản xuất.

Hiện tại, Chất thải nguy hại của công ty chủ yếu phát sinh từ hoạt động của văn phòng gồm: mực in, hộp mực in, pin..., lượng CTNH phát sinh từ hoạt động của dự án là không đáng kể, phát sinh không thường xuyên. Hộp mực in, mực in sau khi thay được đơn vị thay mang đi do đó không lưu giữ tại dự án.

Pin thải: Hiện tại, dự án chỉ có hoạt động của văn phòng nên khối lượng phát sinh không đáng kể nên chưa bàn giao cho đơn vị chức năng xử lý, do đó pin thải được thu gom lưu trữ trong thùng chứa có dung tích 120 lít được đặt tại 1 góc nhà xưởng (nhà xưởng sản xuất của Công ty Quế Sơn hiện đang bỏ trống).

**\* Đối với đơn vị thuê xưởng:**

Các đơn vị thuê xưởng tự chịu trách nhiệm với chất thải chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của đơn vị mình.

Các đơn vị thuê nhà xưởng thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy phép môi trường, đăng ký môi trường đã được phê duyệt/xác nhận.

**5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Bô tông hóa đường nội bộ;
- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án;
- Quy định tốc độ tối đa của xe vận chuyển, đi lại ra vào dự án.

**6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành**

**6.1. Đối với nước thải:**

- Thiết kế, xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy chuẩn, công suất xử lý đảm bảo xử lý triệt để nước thải phát sinh.

- Giao công nhân vận hành, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, thay thế cải tạo các thiết bị hư hỏng ảnh hưởng đến hệ thống xử lý.

- Khắc phục nhanh chóng các sự cố có thể xảy ra nhằm duy trì hoạt động ổn định của hệ thống xử lý. Trong trường hợp cần thiết có thể tạm dừng hoạt động của các cơ sở nếu có xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý môi trường.

- Định kỳ vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh tắc, ứ đọng.

- Định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải sinh hoạt.

Khi có sự cố về hệ thống xử lý sẽ báo cáo lên lãnh đạo của công ty sau đó sẽ báo cáo bằng văn bản lên cơ quan của nhà nước có chức năng. Tìm hiểu và khắc phục sớm nhất có thể xảy ra sự cố.

**6.2. Đối với khí thải:** Dự án chưa lắp đặt hệ thống xử lý khí thải.

**7. Các nội dung thay đổi của dự án đầu tư so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM nhưng chưa đến mức phải lập lại ĐTM: không thay đổi**

**Chương IV**  
**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:**

- *Nguồn phát sinh nước thải:* Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án (chủ dự án và đơn vị thuê xưởng)

- *Lưu lượng xả thải tối đa:* 42m<sup>3</sup>/ngày.đêm

- *Dòng nước thải:* Gồm 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 42m<sup>3</sup>/ngày.đêm được xả vào hệ thống thu gom và thoát nước của khu vực.

- *Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:*

**Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải**

STT	Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B)
1	pH	-	5,5-9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50
3	COD	mg/l	150
4	Sunfua	mg/l	0,5
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10
7	Tổng Nito	mg/l	40
8	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	6
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
10	Coliform	mg/l	5000

**Ghi chú:**

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

+ Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- *Vị trí, phương thức xả thải, nguồn tiếp nhận:*

+ Vị trí xả thải: Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 42m<sup>3</sup>/ngày.đêm của dự án trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

+ Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiều 3<sup>0</sup>):

$$X = 2356445; Y = 421164$$

+ Phương thức xả thải: Tự chảy

+ Nguồn tiếp nhận: Mương thoát nước của khu vực.

**2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: không có**



**Chương V**

**KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

**1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án**

**1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm**

**Bảng 5.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm**

Công trình	Giai đoạn	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm		Công suất dự kiến
		Bắt đầu	Kết thúc	
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 42m <sup>3</sup> /ngày.đêm	Điều chỉnh hiệu suất	20/03/2022	20/06/2022	75%
	Vận hành ổn định	21/06/2022	27/06/2022	85%

**1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý**

**1.2.1. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu, kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu**

**- Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất:**

Hạng mục	Thời gian TN	Số mẫu	Chỉ tiêu
Bể điều hòa	+ Bắt đầu: 20/03/2022	05	Lưu lượng, pH, Chất rắn lơ lửng, BOD <sub>5</sub> , sunfua, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốtpho, Coliform.
Bể thiếu khí	+ Kết thúc: 20/06/2022	05	BOD <sub>5</sub> , Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốtpho.
Bể hiếu khí	+ Tần suất: 05 lần, 15 ngày/lần.	05	BOD <sub>5</sub> , Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốtpho
Bể lắng	+ Lấy mẫu tổ hợp mỗi mẫu lấy	05	Chất rắn lơ lửng
Bể khử trùng	03 thời	05	Coliform
Nước thải đầu ra	điểm/ngày, trộn đều	05	Lưu lượng, pH, Chất rắn lơ lửng, BOD <sub>5</sub> , sunfua, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốtpho, Coliform.

**- Giai đoạn vận hành ổn định:**

Hạng mục	Thời gian TN	Số mẫu	Chỉ tiêu
Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	+ Bắt đầu: 21/06/2022 + Tần suất: 01 lần.	01	Lưu lượng, pH, Chất rắn lơ lửng, BOD <sub>5</sub> , sunfua, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốtpho, Coliform.
Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	+ Bắt đầu: 21/06/2021 + Kết thúc: 27/06/2022 + Tần suất: 01 lần/ngày	07	Lưu lượng, pH, Chất rắn lơ lửng, BOD <sub>5</sub> , sunfua, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốtpho, Coliform.

1.2.2. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện

**A. Đơn vị tư vấn thực hiện chương trình quan trắc môi trường**

- Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH công nghệ môi trường Wotech.

- Địa chỉ: Số 39, đường Nguyễn Đình Tân, P. Trần Nguyên Hãn, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang;

- Người đại diện: (Ông) Giáp Văn Thắng Chức vụ: Giám đốc

- Lĩnh vực hoạt động: Công ty TNHH Công nghệ môi trường Wotech là đơn vị chuyên cung cấp các dịch vụ về: Tư vấn lập các thủ tục pháp lý về môi trường và tài nguyên nước; Quan trắc, phân tích, báo cáo giám sát chất lượng môi trường; Thu gom chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại; Tư vấn thiết kế, chuyển giao công nghệ xử lý chất thải; Cung cấp dịch vụ an toàn lao động.

**B. Đơn vị tham gia phối hợp**

Đơn vị tư vấn phối hợp với phòng thí nghiệm có đầy đủ chức năng là Công ty Cổ phần Tập đoàn FEC thực hiện chương trình quan trắc, phân tích đối với nước thải.

Thông tin đơn vị tham gia phối hợp như sau:

- Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần Tập đoàn FEC.

- Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Điện thoại: 0204 6285678

- Mã số thuế: 2400813620

- Người đại diện: (Ông) Nguyễn Văn Hảo Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Chứng chỉ Hệ thống quản lý chất lượng đạt Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2005 mã số VILAS 1315.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã số VIMCERTS 279.

## 2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

### 2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

#### (1) Giai đoạn hiện tại:

Hiện tại dự án chỉ thực hiện mục tiêu cho thuê nhà xưởng chưa có hoạt động sản xuất chưa phát sinh khí thải do đó chủ dự án chỉ thực hiện quan trắc môi trường đối với nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí nước thải sau xử lý.

- Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>(20°C), COD, Chất rắn lơ lửng, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng Phốt pho (tính theo P), Clorua, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (Trong thời gian tới khi trạm xử lý nước thải của CCN Non Sáo được xây dựng và đi vào vận hành chủ dự án tiến hành đấu nối nước thải sau xử lý với hệ thống thu gom nước thải của CCN để tiếp tục xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của CCN đảm bảo xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra ngoài môi trường)

#### (2) Giai đoạn hoạt động tổng thể:

##### \* Đối với khí thải:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí sau 02 hệ thống xử lý khí thải.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Đối với hệ thống xử lý khí thải từ lò nung trung tâm:

+ Thông số giám sát: Nhiệt độ, lưu lượng, áp suất, bụi tổng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, ZnO (dạng khối, bụi), Mangan và hợp chất (Mn), Antimon và hợp chất; tổng chất hữu cơ dễ bay hơi, VOC; tổng dioxin/furan; cadimi và hợp chất (tính theo Cd), đồng và hợp chất (tính theo Cu), chì và hợp chất (tính theo Pb); kẽm và hợp chất (tính theo Zn); Niken và hợp chất (tính theo Ni); Crom và hợp chất (tính theo Cr).

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; QCVN 51:2017 /BTNMT, cột A1 (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 áp dụng giá trị C theo cột A2).

- Đối với hệ thống xử lý khí thải từ quá trình đốt than:

+ Thông số giám sát: Nhiệt độ, lưu lượng, áp suất, bụi tổng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

\* Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án

- Vị trí giám sát: 01 vị trí nước thải sau xử lý.

- Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>(20°C), COD, Chất rắn lơ lửng, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng Phốt pho (tính theo P), Clorua, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (Trong thời gian tới khi trạm xử lý nước thải của CCN Non Sáo được xây dựng và đi vào vận hành chủ dự án tiến hành đầu nối nước thải sau xử lý với hệ thống thu gom nước thải của CCN để tiếp tục xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của CCN đảm bảo xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra ngoài môi trường)

**2.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm: 20.000.000 VNĐ**

## Chương VI CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ dự án cam kết thực hiện đúng và nghiêm túc các nội dung đã cam kết trong Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và mọi quy định của pháp luật môi trường, cụ thể:

- Chủ dự án cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Cam kết xử lý nước thải, khí thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định. Xả nước thải, khí thải theo đúng nội dung được cấp phép.
- Nghiêm túc thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm.
- Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ra ô nhiễm, sự cố ô nhiễm.
- Thực hiện quan trắc, giám sát, báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật.

